

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ - ST

Ngày 19-02-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Long Biên

2. Ông Quách Hà Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên

Ngày 19/02/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 258/2019/TLST- HNGĐ ngày 03/12/2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/02/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H; Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T; Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2019, trong bản tự khai ngày 03/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Bùi Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2009 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hạnh phúc, ít có mâu thuẫn. Tuy nhiên, gần đây anh Thắng có quan hệ như vợ chồng với người phụ nữ khác và đã hai lần đem người phụ nữ đó về nhà quan hệ tình cảm trong lúc chị vắng nhà, chị đã nhiều lần khuyên can, tha thứ để vợ chồng chung sống, vì con chị đã cố gắng chịu đựng nhưng anh T vẫn chứng nào tật nấy. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Duy Q, sinh ngày 16/8/2010 và Bùi Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/8/2016. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng cho mỗi cháu số tiền là 800.000đ, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi cháu mỗi tháng 500.000đ, cả hai cháu là 1.000.000đ.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10 tháng 12 năm 2019, anh Bùi Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2009 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên đôi lúc có xảy ra cãi cọ. Thời gian kéo dài khiến cho cả hai vợ chồng đều cảm thấy mệt mỏi, chán nản, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh, anh cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày là đúng và anh cũng mong muốn được ly hôn vì tình cảm với chị H không còn.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Duy Q, sinh ngày 16/8/2010 và Bùi Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/8/2016. Ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu Q và giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Xét thấy giữa chị H và anh T mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, nay cả chị H và anh T đều yêu cầu giải quyết ly hôn, nghĩ nên chấp yêu cầu của chị H và anh T. Đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân, xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T. Về con cái, giao hai con chung là cháu Bùi Duy Q, sinh ngày 16/8/2010 và Bùi Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/8/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi chung cùng chị H mỗi tháng cho mỗi cháu là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Hai cháu là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh T không có mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh T và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T được biết.

[3]. Anh T đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

[4]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2009 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống, không tôn trọng nhau, gần đây anh Thắng còn có quan hệ như vợ chồng với người phụ nữ khác nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Việc này cả chị H và anh T đều thừa nhận và cũng đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận, đồng thời cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả chị H và anh T đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nghĩ nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị H và anh T được ly hôn.

[5]. Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Duy Q, sinh ngày 16/8/2010 và Bùi Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/8/2016. Xét thấy, cháu Q có nguyện vọng được ở với mẹ. Còn cháu N là con gái lại đang còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cả hai con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng mỗi cháu là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), hai cháu là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng.

[6]. Về tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[7]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST về việc ly hôn, anh T phải chịu án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5, Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con cái: Giao hai con chung là cháu Bùi Duy Q, sinh ngày 16/8/2010 và Bùi Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/8/2016 cho chị Huệ trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng cho mỗi cháu là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), hai cháu là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 02/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu khác.

Khoản tiền cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Anh T có quyền qua lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2018/0002608 ngày 03/12/2019, chị H đã nộp đủ tiền án phí. Anh Bùi Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn T. Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND Thạch Thành;
- UBND xã C;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc